

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14/4/2025

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Lâm Minh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Triệu Khánh Long

Bà Thái Tín Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên Tòa:
Bà Phạm Thị Diệp – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2025/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 01 năm 2025 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị H; sinh năm: 1998 (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm C, phường B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Thạch Po L; sinh năm: 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm Cà Lăng A, phường B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/12/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị H trình bày:

Bà Huỳnh Thị H kết hôn với ông Thạch Po L và được Ủy ban nhân dân

phường B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/10/2020. Trong thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, bà H và ông L có với nhau 02 người con chung gồm: Thạch Thanh L1 (giới tính: nam); sinh ngày 22/12/2016 và Thạch Thị Ngọc H1 (giới tính: nữ); sinh ngày 13/10/2020. Về sau, dần phát hiện cả hai không đồng quan điểm, không hợp nhau về tính cách dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, bà H và ông L đã không còn sống chung từ tháng 02/2024 cho đến nay.

Nay bà Huỳnh Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Thạch Po L.

- Về con chung: Bà Huỳnh Thị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Thạch Thanh L1 (giới tính: nam); sinh ngày 22/12/2016 cháu Thạch Thị Ngọc H1 (giới tính: nữ); sinh ngày 13/10/2020, và không yêu cầu ông L cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Thạch Po L : Dù được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của bà H nhưng ông L không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Tòa án đã thông báo toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho ông L và đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 19/3/2025, bị đơn ông L vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn bà Huỳnh Thị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn Huỳnh Thị H. Đối với bị đơn ông Thạch Po L, trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông L vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định của pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho bà Huỳnh Thị H được ly hôn với ông Thạch Po L, giao cho bà Huỳnh Thị H được nuôi dưỡng cháu Thạch Thanh L1 (giới tính: nam); sinh ngày 22/12/2016 cháu Thạch Thị Ngọc H1 (giới tính: nữ); sinh ngày 13/10/2020 đến khi cháu L1 và cháu H1 đủ 18 tuổi. Ghi nhận ý chí tự nguyện của bà Huỳnh Thị H về việc không yêu cầu ông Thạch Po L cấp

đưỡng cho cháu L1 và cháu H1. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Bà Huỳnh Thị H khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con chung. Yêu cầu của bà H được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình. Đồng thời, bị đơn ông Thạch Po L có địa chỉ cư trú tại khóm C, phường B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà Huỳnh Thị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Thạch Po L đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung giải quyết:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Trích lục kết hôn của bà Huỳnh Thị H và ông Thạch Po L; bản chứng thực căn cước công dân của bà Huỳnh Thị H; bản sao Giấy khai sinh của các cháu: Thạch Thanh L1 (giới tính: nam); sinh ngày 22/12/2016 cháu Thạch Thị Ngọc H1 (giới tính: nữ); sinh ngày 13/10/2020, đối chiếu với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của bà Huỳnh Thị H về việc kết hôn với ông Thạch Po L được Ủy ban nhân dân phường B cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/10/2020 là sự thật. Vì vậy, giữa bà H và ông L đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp tính tình làm cho cuộc sống chung không hạnh phúc, mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không cùng nhau thực hiện các công việc gia đình; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu con chung. Như vậy, bà H và ông L đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình; vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, giải quyết cho bà Huỳnh Thị H được ly hôn với ông Thạch Po L.

[4] Đối với quyền nuôi con chung: Con chung là Thạch Thanh L1 (giới tính: nam); sinh ngày 22/12/2016 cháu Thạch Thị Ngọc H1 (giới tính: nữ); sinh ngày

13/10/2020 còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ và hiện nay cháu L1 và cháu H1 đang sống cùng với bà Huỳnh Thị H, được phát triển đầy đủ về mặt thể chất và tinh thần. Hơn nữa, cháu L1 có nguyện vọng được sống chung với bà H. Đồng thời, bà H xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L1 và cháu H1, như vậy bà H đã thực hiện đúng nghĩa vụ và quyền của cha mẹ quy định tại Điều 69 của Luật hôn nhân và gia đình. Về phía ông L, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Thông báo của Tòa án cho ông L, trong thông báo thể hiện rõ yêu cầu của bà H nhưng ông L không phản đối và không có ý kiến gì. Mặt khác, theo nguyện vọng của cháu L1 muốn sống chung với bà H nên căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cho bà H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L1 và cháu H1. Đồng thời, ghi nhận ý chí tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông L cấp dưỡng cho con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị H phải chịu là 300.000 đồng theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143; khoản 1 Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Huỳnh Thị H được ly hôn với ông Thạch Po L.

2. Về quyền nuôi con chung: Giao cho bà Huỳnh Thị H được nuôi dưỡng cháu Thạch Thanh L1 (giới tính: nam); sinh ngày 22/12/2016 cháu Thạch Thị Ngọc H1 (giới tính: nữ); sinh ngày 13/10/2020 đến khi cháu L1 và cháu H1 đủ 18 tuổi. Ghi

nhận ý chí tự nguyện của bà Huỳnh Thị H về việc không yêu cầu ông Thạch Po L cấp dưỡng cho cháu L1 và cháu H1.

Trong thời gian bà Huỳnh Thị H nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc, giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu Thạch Thanh L1 và cháu Thạch Thị Ngọc H1, bà Huỳnh Thị H có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi nghĩa vụ và mức cấp dưỡng cho con; ông Thạch Po L có thể yêu cầu giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Các đương sự thực hiện quyền này theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị H phải chịu là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0006259 ngày 30/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, bà Huỳnh Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- UBND phường 2;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Minh Tuấn

